

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ MINH TÂN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 04/QĐ-UBND

Minh Tân, ngày 07 tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2022

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ MINH TÂN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 143/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 24 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân xã Minh Tân về việc giao dự toán thu chi ngân sách xã năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 183/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2021 của UBND xã Minh Tân về việc giao chỉ tiêu kế hoạch nhà nước năm 2022;

Xét đề nghị của Công chức Tài chính – Kế toán xã.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2022 của xã Minh Tân.

(Có phụ lục chi tiết kèm theo).

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Công chức văn phòng Ủy ban nhân dân xã, công chức Tài chính- kế toán xã tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- UBND huyện Phù Cừ;
- Phòng TC-KH huyện;
- Đảng Ủy xã;
- HĐND xã;
- Các đoàn thể xã;
- Các trưởng thôn trong xã;
- Lưu VP.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
CHỦ TỊCH**



Hoàng Văn Thành

CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 04/QĐ-UBND ngày 07 tháng 01 năm 2021)

Đơn vị: 1.000 đồng

NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
TỔNG SỐ THU	34.467.824	TỔNG SỐ CHI	34.467.824
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	236.000	I. Chi đầu tư phát triển	28.650.000
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	28.978.192	II. Chi thường xuyên	5.677.824
		Dự phòng tăng lương thường xuyên	70.000
		Tiết kiệm 10% dự phòng tăng lương	95.000
III. Thu bổ sung	5.253.632	III. Dự phòng	140.000
- Bổ sung cân đối	5.253.632		
- Bổ sung có mục tiêu	0		
IV. Thu chuyển nguồn			

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 04/QĐ-UBND ngày 07 tháng 01 năm 2021)

Đơn vị: 1.000 đồng

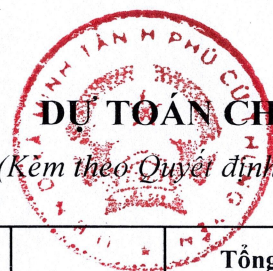
STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	
		THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2
	TỔNG THU	47.695.592	34.467.824
I	Các khoản thu 100%	236.000	236.000
	Phí, lệ phí	16.000	16.000
	Phí môn bài		
	Thuế tài nguyên		
	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	40.000	40.000
	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	120.000	120.000
	Thu khác	60.000	60.000
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %	42.205.960	28.978.192
1	Các khoản thu phân chia	42.205.960	28.978.192
	- Thuế thu nhập cá nhân	230.000	95.000
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất	430.000	215.000
	- Lệ phí trước ô tô, xe máy		
	- Thuế GTGT+TNDN	45.000	18.000
	- Tiền sử dụng đất	41.500.000	28.650.000
	- Tiền thuê đất, nước	960	192
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định		
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)		
IV	Thu chuyển nguồn		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước		
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	5.253.632	5.253.632
	- Thu bổ sung cân đối	5.253.632	5.253.632
	- Thu bổ sung có mục tiêu		

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 04/QĐ-UBND ngày 07 tháng 01 năm 2021)

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		
		TỔNG SỐ	ĐTPT	TX
A	B	1	2	3
	TỔNG CHI	34.467.824	28.650.000	5.817.824
	Trong đó:			
1	Chi dân quân tự vệ	126.085		126.085
2	Chi an ninh trật tự	131.520		131.520
3	Chi giáo dục	0	0	0
4	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ	0		
5	Chi y tế	53.244	0	53.244
6	Chi văn hóa, thông tin	2.428.000	2.418.000	10.000
7	Chi phát thanh, truyền thanh	28.046		28.046
8	Chi thể dục thể thao	10.000		10.000
9	Chi bảo vệ môi trường	2.085.000	2.000.000	85.000
10	Chi các hoạt động kinh tế	11.895.000	11.865.000	30.000
11	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	17.258.682	12.367.000	4.891.682
12	Chi cho công tác xã hội	122.247		122.247
13	Chi khác	25.000		25.000
14	Dự phòng ngân sách	140.000		140.000
15	Dự phòng tăng lương	70.000		70.000
16	Tiết kiệm chi TX 10%	95.000		95.000



DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 04/QĐ-UBND ngày 07 tháng 01 năm 2021)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Số TT	Tên công trình	Thời gian KC- HT	Tổng DT được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2020	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2020	Dự toán năm 2021			
			Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Trong đó TT khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
									Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
Tổng Số			150.529.000	-	-	-	28.650.000	-	28.650.000	-
1/	lĩnh vực giao thông		56.118.000	-	-	-	11.865.000	-	11.865.000	-
1	Cải tạo, nâng cấp 02 tuyến đường GTNT xã Minh Tân (T1: Đường từ bà Nho đến cuối mom sậy; T2: Đường từ chùa mới đến ông Dục)	2021-2023	10 646 000		-	-	2.000.000	-	2.000.000	
2	Cải tạo, nâng cấp 03 tuyến đường GTNT xã Minh Tân (T1: Từ xóm 6 thôn Nghĩa Vũ đến bãi rác; T2: Đường từ ông Tăng đến Điền Lợi T. Duyệt Văn; T3: Từ Bà Riệc đến mộ Trâu T. Duyệt Văn)	2021-2022	9 800 000		-	-	2.000.000		2.000.000	
3	Cải tạo, nâng cấp 04 tuyến đường GTNT xã Minh Tân (T1: Từ ao Rứa đến cống đuôi lươn; T2: Từ cống đuôi lươn đến 386 T. Tân Tiến; T3: Từ miếu thờ thần đi đồng T. Duyệt Lễ; T4: Từ đường DH64 đến đồng đội 13 T. Duyệt Lễ)	2021-2022	7.840.000				1.000.000		1.000.000	
4	Cải tạo, nâng cấp 1 số tuyến đường GTNT xã Minh Tân (T1: Từ máng tiêu đến nhà Tuấn Oanh thôn Tân Tiến; T2: Từ Nghĩa trang khu nam đến nghĩa trang khu Bắc T. Tân Tiến; T3: Từ ĐT.386 đến ông Chiêu T. Dv; T4: Từ ông Bổng đến Bê tông Miền bắc T. Duyệt Văn; T5: Từ ông Cánh đến ngòi đồng dài+ 60m tuyến nhánh T. Nghĩa Vũ; T6: Đường Wb2 đến đuôi lươn T. Nghĩa Vũ	2021-2022	10.467.000				1.000.000		1.000.000	

5	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Duyệt Lễ xã Minh Tân đoạn từ nhà Bà Kê đi đồng Từa	2021-2022	865.000				865.000		865.000	
6	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Tân Tiến xã Minh Tân (đoạn 1: từ trang trại ông Hiếm đi chùa Tân Tiến; đoạn 2: từ nhà ông Út đi bờ sông)	2021-2023	7.000.000				2.000.000		2.000.000	
7	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT nội đồng thôn Tân Tiến xã Minh Tân đoạn từ cống đồng Đó đến máng nổi Trung Thủy nông	2021-2022	3.000.000				1.000.000		1.000.000	
8	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT nội đồng thôn Duyệt Lễ xã Minh Tân đoạn từ cống ông Hạnh (ĐH.64) đến máng Thanh Niên	2021-2022	3.000.000				1.000.000		1.000.000	
9	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT nội đồng T. Duyệt văn xã Minh Tân (đoạn 1: từ máng tiêu thôn Nghĩa Vũ đến máng nổi đồng Chăn Nuôi thôn Duyệt Văn; đoạn 2: Từ ĐT.386 đến trạm bơm A)	2021-2022	3.500.000				1.000.000		1.000.000	
2/	Lĩnh vực văn hóa		2.418.000	-	-	-	2.418.000	-	2.418.000	-
1	Xây dựng nhà văn hóa và các hạng mục phụ trợ nhà văn hóa thôn Duyệt Văn xã Minh Tân	2021-2022	2.418.000				2.418.000		2.418.000	
3/	Hạ tầng kỹ thuật		89.993.000	-	-	-	12.367.000	-	12.367.000	
1	Khu dân cư mới xã Minh Tân, huyện Phù Cù (2,83ha)	2021-2022	34.993.000				7.367.000		7.367.000	
2	Khu dân cư mới xã Minh Tân, huyện Phù Cù (3,54ha)	2021-2022	55 000 000				5.000.000		5 000 000	
4/	Lĩnh vực môi trường		2.000.000	-	-	-	2.000.000	-	2.000.000	
1	Xây dựng bãi rác tập trung thôn Duyệt Lễ xã Minh Tân	2021-2022	2.000.000				2.000.000		2.000.000	